



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**  
Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.25.04.2025

## BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

### I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

15.04.25.A1 (M1): Vòi phát Xí nghiệp nước An Bài

15.04.25.A2 (M2):GD Nguyễn Văn Quang - Tổ 1 - TT. An Bài – H. Quỳnh Phụ - T. Thái Bình

15.04.25.A3 M3):GD Nguyễn Duy Đông - Tổ 3 - TT. An Bài – H. Quỳnh Phụ - T. Thái Bình

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước An Bài

5. Địa chỉ: Tổ 02 - Thôn Đông Linh - Thị trấn An Bài - Huyện Quỳnh Phụ - Tỉnh Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Vũ Đăng Anh

7. Ngày nhận mẫu: 15/04/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 15/04/2025

### II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

T T	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025 (LoD= 1.13)	KPH	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.60	7.52	7.51	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.222	0.184	0.328	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021 (LoD= 0.05)	0.42	0.33	0.24	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008 (LoD=0.012)	KPH	KPH	KPH	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149 (LoD= 0.006)	< 0.018	< 0.018	< 0.018	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02)	120	135	125	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni (*)	Method 8038 (LoD= 0.02)	0.18	0.17	0.17	mg/L	0.3

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.25.04.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) (*)	Method 8507 (LoD= 0.0015)	< 0.0052	< 0.0052	< 0.0052	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )*	Method 8051 (LoD=1.22)	15	13	14	mg/L	250
12.	Hàm lượng muối clorua (*)	TCVN 6194:1996 (LoD=1.20)	10.64	9.93	9.93	mg/L	250 hoặc 300
13.	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996 (LoD=0.10)	0.83	0.79	0.86	mg/L	2

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (**)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện ( Kết quả dưới mức LoD).
- LoD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Đức**

**TRƯỞNG PHÒNG KH-KT**

**Nguyễn Trung Kiên**

Thái Bình, ngày 25 tháng 04 năm 2025  
**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**

**Phùng Thị Thu Hà**

- Lưu ý:**
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
  2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
  3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
  4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023